

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG	
ĐẾN	Số: 72
	Ngày: 2/3/2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

GAO NẾP BỂ LÀNG KEO

Số: 01/HTXLANGKEO/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

- Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ KINH DOANH NÔNG SẢN LÀNG KEO
- Địa chỉ: Thôn Dũng Nhuệ, xã Vũ Tiên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại: 0969.991.388
- Mã số doanh nghiệp: 1001236440 Đăng ký ngày 07 tháng 10 năm 2021
- Nơi cấp: Phòng Tài chính kế hoạch – UBND huyện Vũ Thư
- Số giấy chứng nhận an toàn vệ sinh Thực phẩm: 93/2024/NNPTNT-TB-QLCL

Ngày cấp: 05/12/2024. Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thái Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: GAO NẾP BỂ LÀNG KEO

2. Thành phần: Gạo nếp Bể 100%.

3. Thời hạn sử dụng:

- Ngày sản xuất: in trên bao bì sản phẩm.
- Hạn sử dụng: 03 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

- Quy cách bao gói: sản phẩm được đóng gói với khối lượng: 01kg, 2kg, 5kg, 10kg....trong túi kín chất liệu PA/PE. Hoặc được đóng gói với khối lượng, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PA/PE. Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hợp tác xã kinh doanh nông sản Làng Keo cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ y tế ban hành ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ban hành ngày 14/04/2017 của Chính phủ: Về nhãn hàng hóa.

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định số 15/2018/NĐ- CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

1. Các chỉ tiêu cảm quan

- Sản phẩm dạng hạt tròn. Không có côn trùng sống và tạp chất lạ.
- Màu sắc: màu trắng đặc trưng của sản phẩm.

2. Các chỉ tiêu lý hóa:

- Chỉ tiêu lý, hóa đạt theo mức công bố sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Độ ẩm	%	$\leq 14\%$



3. Giới hạn độc tố vi nấm:

Giới hạn chỉ tiêu độc tố vi nấm đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	≤ 5
2	Aflatoxin Tổng số	$\mu\text{g/kg}$	≤ 10
3	Ochratoxin	$\mu\text{g/kg}$	≤ 5

4. Giới hạn kim loại nặng

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,4$
2	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày...19...tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ



(Ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Cảnh

2. Giới hạn độc tố vi nấm:

Giới hạn tối đa độc tố vi nấm tại Quy chuẩn Việt Nam 8-1-2013/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ y tế:

ST	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 2
2	Aflatoxin Tổng số	µg/kg	≤ 10
3	Ochratoxin	µg/kg	≤ 2

4. Giới hạn kim loại nặng

Giới hạn tối đa kim loại nặng tại Quy chuẩn Việt Nam 8-2-2013/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế:

ST	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Cadmium (Cd)	mg/kg	≤ 0,4
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0,2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tháng 12 năm 2014 ngày 01 tháng 01 năm 2020

BIÊN CỐNG

(chữ ký)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Cường



NỘI DUNG NHÃN DỰ KIẾN
GAO NẾP BỀ LÀNG KEO
(Đính kèm bản TCB số 01/HTXLANGKEO/2026)

1. Tên sản phẩm: GAO NẾP BỀ LÀNG KEO
2. Thành phần: Gạo Nếp Bề 100%.
3. Hướng dẫn sử dụng: Ngâm với nước sạch từ 10-12 giờ trước khi chế biến để gạo đạt độ dẻo và ngon nhất.
4. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
5. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi bị mốc, có mùi hôi.
6. Khối lượng tịnh: ...kg
7. NSX: (in trên bao bì)
8. HSD: 03 tháng kể từ ngày sản xuất.
9. Số TCB: 01/HTXLANGKEO/2026
10. Sản xuất bởi: HỢP TÁC XÃ KINH DOANH NÔNG SẢN LÀNG KEO
11. Địa chỉ: Thôn Dũng Nhuệ, xã Vũ Tiên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
12. Xuất xứ: Việt Nam

Số/ No.: VLAB0-260109-054/1

Ngày phát hành/ Issue date : 15/01/2026
Trang/ Page : 1/4

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **HỢP TÁC XÃ KINH DOANH NÔNG SẢN LÀNG KEO**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Thôn Dũng Nhuệ, xã Vũ Tiên, tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **09/01/2026**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing: **09/01/2026 đến 15/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name: **GẠO NẾP BỀ LÀNG KEO**
Tình trạng mẫu/ State of sample: **Mẫu đựng trong túi nhựa/ Sample in plastic bag.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
- (a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
- (c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
- (d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
- (e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
- (s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
 - KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
 - Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
 - Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
 - Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
OFFICER IN CHARGE OF LABORATORY

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



Phạm Lê Tiến Khánh



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260109-054/1

Ngày phát hành/ Issue date : 15/01/2026
Trang/ Page : 2/4

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Độ ẩm/Moisture content	11,9	%	-	TCVN 11888:2017
2.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/kg	0,05	AOAC 2015.01(a)
3.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/kg	0,015	AOAC 2015.01(a)
4.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/kg	0,03	AOAC 2015.01(a)
5.	Aflatoxin tổng số/Aflatoxin total	KPH/ND	µg/kg	2	VLAB-CH-TP-599(a)
6.	Aflatoxin B1	KPH/ND	µg/kg	0,5	VLAB-CH-TP-599(a)
7.	Ochratoxin A (OTA)	KPH/ND	µg/kg	0,5	VLAB-CH-TP-599(a)
8.	BVTV nhóm Clo hữu cơ/Organochlorine pesticide	KPH/ND	mg/kg	Theo phụ lục 1 đính kèm	

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260109-054/1

Ngày phát hành/ Issue date : 15/01/2026
Trang/ Page : 3/4

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH THUỐC BVTV: nhóm Clo hữu cơ

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	LOQ (Đơn vị: mg/kg)	Phương pháp phân tích Test method
1.	Aldrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
2.	Chlorbenside	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
3.	Chlorobenzilate	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
4.	Chloroneb	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
5.	DDD, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
6.	DDD, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
7.	DDE, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
8.	DDE, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
9.	DDT, o,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
10.	DDT, p,p-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
11.	4,4'-Dichlorobenzophenone	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
12.	Dieldrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
13.	Endosulfan ether	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
14.	Endosulfan I	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
15.	Endosulfan II	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
16.	Endosulfan sulfate	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
17.	Endrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
18.	Ethylan	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
19.	Fenson	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
20.	HCH, gamma-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
21.	Heptachlor	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
22.	Heptachlor epoxide	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
23.	Hexachlorobenzene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260109-054/1

Ngày phát hành/ Issue date : 15/01/2026

Trang/ Page : 4/4

24.	Isodrin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
25.	Lindane	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
26.	Methoxychlor Olefin	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
27.	Nonachlor, cis-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
28.	Nonachlor, trans-	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
29.	Pentachloroaniline	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
30.	Pentachloroanisole	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
31.	Pentachlorobenzene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
32.	Pentachlorobenzonitrile	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
33.	Pentachlorothioanisole	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
34.	Quintozene	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)
35.	Tetradifon	0,01	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs

VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau

Ca Mau: 479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS
CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH
THAI BINH PROVINCE SUB-DEPARTMENT OF AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/Establishment: HỢP TÁC XÃ KINH DOANH NÔNG SẢN LÀNG KEO

Mã số/Approval number: 1001236440

Địa chỉ/Address: Thôn Dững Nhuệ, xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Điện thoại/Tel: 0969991388

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

- 1. Gạo các loại**
- 2. Lạc đỗ**
- 3. Đỗ xanh, đỗ đen**

Số cấp/Number: 93/2024/NNPTNT-TB-QLCL.

Có hiệu lực đến ngày 05 tháng 12 năm 2027

Thái Bình, ngày 05 tháng 12 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Anh Tuấn

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 1001236440

Đăng ký lần đầu, ngày 7 tháng 10 năm 2021

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ KINH DOANH NÔNG SẢN LÀNG KEO**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt: **HTX KD NS LẠNG KEO**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Dừng Nhuệ, Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163 (chính)
2	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
4	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
5	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

4. Vốn điều lệ: 570.000.000 (Năm trăm bảy mươi triệu đồng)

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên : **NGUYỄN HỮU CANH** Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 25/08/1992 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151883574

Ngày cấp: 21/06/2013 Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Dũng Nhuệ, Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư,
Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Dũng Nhuệ, Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Thái Bình, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ĐẠI ANH TUẤN

